

Số: 1196 /QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 08 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1646 /TTr-STNMT ngày 20 tháng 4 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 104 thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa; bãi bỏ 83 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nội dung chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TNMT;
- Cục Kiểm soát TTHC-Văn phòng Chính phủ;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Báo BRVT, Đài PTTH tỉnh;
- TTCNTT - STNMT;
- Trung tâm Công báo tin học;
- Bộ phận tiếp nhận và trả KQ tập trung cấp tỉnh;
- Lưu: VT, STNMT.


CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tuấn Quốc

PHỤ LỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1196/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực địa chất và khoáng sản
1	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản
2	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
3	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
4	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
5	Đóng cửa mỏ khoáng sản
6	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản
7	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt
8	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
9	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
10	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
11	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản
12	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản
13	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản
14	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản
15	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
II	Lĩnh vực tài nguyên nước
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm

2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ /ngày đêm
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm
7	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác
9	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước
10	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
11	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
12	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
13	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh
14	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi
III	Lĩnh vực khí tượng thủy văn

1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
IV	Lĩnh vực Biển và hải đảo
1	Giao khu vực biển
2	Gia hạn quyết định giao khu vực biển
3	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển
4	Trả lại khu vực biển
5	Thu hồi khu vực biển
V	Lĩnh vực môi trường
1	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
2	Cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án
3	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
4	Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án
5	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh
6	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao
7	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất
8	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn)
9	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)

10	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>)
11	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>)
12	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản
13	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>)
14	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>)
15	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
16	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
17	Thẩm định và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết
18	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản
VI	Lĩnh vực đất đai
A	Thủ tục hành chính về giao đất, cho thuê đất, thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định phương án sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
2	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh

	ngành có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
3	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
4	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
5	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
6	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
7	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
8	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp
B	Thủ tục hành chính về đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
1	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
2	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
3	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
4	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất.
5	Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp.
6	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.

7	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
8	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
9	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng
10	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
11	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
12	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân
13	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
14	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
15	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề

16	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
17	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
18	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
20	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.
21	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
22	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
23	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
24	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
25	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất
26	Cung cấp dữ liệu đất đai
C	Thủ tục hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai
1	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh
VII	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ
1	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
2	Cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
3	Thẩm định hồ sơ nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ
4	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ
VIII	Lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm
1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất
2	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất
3	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận
4	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở; đăng ký thế chấp tài

	sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở
5	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
6	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký
7	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp
8	Xoá đăng ký thế chấp
9	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký
10	Hồ sơ chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực địa chất và khoáng sản	
1	T-VTB-010644-TT	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản
2	T-VTB-010526-TT	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.
3	T-VTB-010320-TT	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
4	T-VTB-009887-TT	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
5	T-VTB-233490-TT	Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
6	T-VTB-233492-TT	Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.
7	T-VTB-010743-TT	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
8	T-VTB-010562-TT	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
9	T-VTB-009978-TT	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản
10	T-VTB-009988-TT	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản
11	T-VTB-010590-TT	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản
12	T-VTB-010196-TT	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

13	T-VTB-010270-TT	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
II Lĩnh vực tài nguyên nước		
1	T-VTB-286689-TT	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
2	T-VTB-286690-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
3	T-VTB-286691-TT	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
4	T-VTB-286692-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
5	T-VTB-286693-TT	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm
6	T-VTB-286694-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm
7	T-VTB-286695-TT	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác
8	T-VTB-286696-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác

9	T-VTB-286697-TT	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước
10	T-VTB-286698-TT	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
11	T-VTB-286699-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
12	T-VTB-286700-TT	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
13	T-VTB- 286701-TT	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh
III Lĩnh vực khí tượng thủy văn		
1	T-VTB-015477-TT	Cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng
2	T-VTB-015900-TT	Cấp lại giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng
3	T-VTB-015994-TT	Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng
4	T-VTB-016036-TT	Gia hạn giấy phép hoạt động công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng
IV Lĩnh vực biển và hải đảo		
1	T-VTB-286684-TT	Giao khu vực biển
2	T-VTB-286685-TT	Gia hạn quyết định giao khu vực biển
3	T-VTB-286686-TT	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển
4	T-VTB-286687-TT	Trả lại khu vực biển
5	T-VTB-286688-TT	Thu hồi khu vực biển
IV Lĩnh vực môi trường		
1	T-VTB-203227-TT	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
2	T-VTB-203903-TT	Kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án
3	T-VTB-203918-TT	Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
4	T-VTB-268591-TT	Thẩm định và phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc Đề án cải tạo, phục hồi môi

		trường bổ sung (đối với trường hợp không thẩm định và phê duyệt đồng thời với báo cáo đánh giá tác động môi trường)
5	T-VTB-268605-TT	Thẩm định và phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc Đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với dự án khai thác khoáng sản có quy mô lập Bản cam kết bảo vệ môi trường
6	T-VTB-268622-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu
7	T-VTB-268783-TT	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường
8	T-VTB-213099-TT	Đăng ký hành nghề quản lý chất thải nguy hại
9	T-VTB-213094-TT	Gia hạn giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại
10	T-VTB-213098-TT	Điều chỉnh giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại
11	T-VTB-213090-TT	Thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết
12	T-VTB-286835-TT	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản
V	Lĩnh vực Đất đai	
A	Thủ tục hành chính về đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
1	T-VTB-282231-TT	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
2	T-VTB-283089-TT	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
3	T-VTB-283092-TT	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
4	T-VTB-282249-TT	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
5	T-VTB-282253-TT	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận

6	T-VTB-283105-TT	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
7	T-VTB-282537-TT	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
8	T-VTB-282307-TT	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
9	T-VTB-282318-TT	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
10	T-VTB-282322-TT	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.
11	T-VTB-282324-TT	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
12	T-VTB-282354-TT	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức (trừ doanh nghiệp); thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất
13	T-VTB-282356-TT	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi

		về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
14	T-VTB-282361-TT	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
15	T-VTB-282366-TT	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề
16	T-VTB-282430-TT	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
17	T-VTB-282458-TT	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
18	T-VTB-282472-TT	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
19	T-VTB-282476-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
20	T-VTB-282477-TT	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
21	T-VTB-282482-TT	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
B	Thủ tục hành chính về giao đất, cho thuê đất, thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định phương án sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất	
1	T-VTB-281780-TT	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
2	T-VTB-281782-TT	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án

		phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
3	T-VTB-281967-TT	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
4	T-VTB-281304-TT	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức
5	T-VTB-281983-TT	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
6	T-VTB-281989-TT	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (cấp tỉnh/huyện)
7	T-VTB-282210-TT	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
VI	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ	
1	T-VTB-021250-TT	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

2	T-VTB-021368-TT	Bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.
3	T-VTB-021490-TT	Đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ
4	T-VTB-021665-TT	Thẩm định phương án, Thiết kế Kỹ thuật - Dự toán đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình phục vụ công tác thu hồi, giao thuê đất các công trình trên địa bàn tỉnh (sử dụng vốn ngân sách Nhà nước)
5	T-VTB-021593-TT	Thẩm định hồ sơ nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ
6	T-VTB-010318-TT	Cung cấp Thông tin, tư liệu trắc địa điểm toạ độ, độ cao
VIII	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại tố cáo	
1	T-VTB-008247-TT	Tiếp công dân tại cấp tỉnh
2	T-VTB-008263-TT	Xử lý đơn tại cấp tỉnh